

Bản án số: **715/2022/DS-PT**
Ngày: 30/11/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hiền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Bá Thịnh;

Bà Phạm Thị Thảo

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Nguyễn Phương Ngân –
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đỗ Văn Hiếu –
Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/11/2022 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã mở phiên tòa xét xử công khai đối với vụ án dân sự phúc thẩm đã thụ lý số 271/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 175/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5237/2022/QĐPT-DS ngày 18/10/2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 14680/2022/QĐ-PT ngày 11/11/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T** – sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Số 137 C, Phường 26, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khắc X – sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Số 37 TT6 Khu đô thị V, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Theo Giấy ủy quyền số 3363 ngày 16/5/2022 tại Văn phòng công chứng Lê Hùng Anh.

- Bị đơn: **Tổng Công ty Cổ phần B**

Địa chỉ: Số 26 T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phú U (vắng mặt) hoặc ông Nguyễn Trường S (có mặt).

Theo Giấy ủy quyền số 2998/2020-BM/VP ngày 31/12/2020 và số 1068/2020-BM/HĐQT ngày 31/12/2020

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ngân hàng TMCP Đ**

Trụ sở: Số 25 R, phường P, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn Q – sinh năm 1985 (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 859 T, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền số 3541/2021/UQ-SB ngày 16/3/2021.

Do có kháng cáo của: Bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B, Đơn kháng cáo ngày 20/6/2022, nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có ông Nguyễn Khắc X là người đại diện hợp pháp trình bày:***

Ông Nguyễn Văn T là chủ sở hữu xe ô tô hiệu Mercedes-Benz GLC 200, số biển kiểm soát 51G-630.34, tham gia bảo hiểm thiệt hại vật chất xe ô tô tại Công ty B Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty Cổ phần B (*sau đây gọi là Công ty B*) theo Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số VPA/01692988 ngày 19/6/2019, thời hạn bảo hiểm từ 00 giờ ngày 25/6/2019 đến 24 giờ ngày 24/6/2020, phí bảo hiểm là 19.404.000 đồng. Công ty B đã cấp cho ông T Giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô không kinh doanh vận tải số VPA/01692988 ngày 19/6/2019.

Vào hồi 00 giờ 37 phút ngày 03/5/2020, khi lưu thông trên đường Tô Hiến Thành, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, ông T đã để xe va chạm với trụ điện cạnh số nhà 193 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh khiến xe bị hư hỏng. Sau đó ông T đã tự chạy xe về cất tại hầm chung cư số 08 Hoàng Minh Giám, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 04/5/2020, ông T đã thông báo đến Tổng đài Trung tâm bồi thường xe ô tô Bảo Minh tại Thành phố Hồ Chí Minh trình báo tai nạn. Ông T cũng đã lập hồ sơ yêu cầu bồi thường gửi đến Công ty B, cung cấp đoạn video của camera hành trình thời điểm va chạm và xác nhận của Công an Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh về vụ việc. Đồng thời, Công ty B cũng đã yêu cầu Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định, kết luận giám định hư hỏng của xe phù hợp với hiện trường tai nạn.

Công ty B cho rằng ông T không trung thực trong việc khai báo là không đúng. Thời điểm xảy ra tai nạn là 00 giờ 37 phút nên ông T có nhầm lẫn về ngày mới và ngày cũ, cũng như không nhớ chính xác lộ trình di chuyển, vì vậy khi thông báo qua hotline thì ông T khai là ngày 02/5/2020. Tuy nhiên khi kiểm tra lại camera hành trình thì ông T đã lập văn bản thông báo chính xác ngày xảy ra

tai nạn là ngày 03/5/2020 và thông báo chính xác lộ trình di chuyển. Ông T cũng đã cung cấp đoạn video thời điểm xảy ra tai nạn trích xuất từ camera hành trình nhưng Công ty B yêu cầu cung cấp toàn bộ hành trình và camera của nhà dân hai bên đường ghi nhận vụ việc. Mặc dù yêu cầu trên là không phù hợp, ông T vẫn cố gắng đi dọc các tuyến phố để xin nhưng không có vì sau 02 tháng thì camera nhà dân không còn lưu trữ. Ông T luôn hợp tác với Công ty B trong việc giải quyết vụ việc, có mặt khi Công ty B yêu cầu làm việc. Ngày 21/8/2020, Công ty B ban hành công văn số 1942/2020-BM/XCG thông báo xác nhận vụ việc là có thật và thừa nhận xe bị tai nạn đúng tại vị trí cạnh số nhà 193 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng chỉ đồng ý bồi thường 30% chi phí sửa chữa, với lý do ông T không cung cấp được camera nhà dân xung quanh.

Căn cứ vào Quy tắc, điều khoản bảo hiểm tự nguyện xe ô tô của Công ty B đã được Bộ Tài chính phê duyệt, ông T xác định thiệt hại của ô tô biển kiểm soát 51G-630.34 của ông T thuộc phạm vi bảo hiểm theo quy định tại Điều 16 của Quy tắc đính kèm hợp đồng bảo hiểm và không nằm trong bất kỳ điểm loại trừ nào của quy tắc bảo hiểm nói trên, do vậy Công ty B phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông T theo hợp đồng bảo hiểm. Tại Điều 12 Quy tắc bảo hiểm của Công ty B không có mục nào yêu cầu khách hàng phải cung cấp video từ camera của nhà dân ven đường, đồng thời không có điều khoản nào quy định ông T không xin được camera của nhà dân ven đường thì Công ty B có quyền từ chối bồi thường thiệt hại.

Ông T đã tự bỏ ra chi phí sửa chữa xe với tổng số tiền là 190.474.900 đồng. Tuy nhiên, ông T chỉ yêu cầu Công ty B bồi thường chi phí sửa chữa là 189.154.900 đồng theo kết quả giám định về tổn thất xe ngày 19/5/2020, ngày 03 và ngày 04/6/2020 của Công ty TNHH Dịch vụ Giám định Á Châu. Ngân hàng TMCP Đông Nam Á là nơi ông T thế chấp xe cũng đã có văn bản xác định chuyển quyền thụ hưởng tiền bảo hiểm xe cho ông T.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn có trách nhiệm bồi thường số tiền 189.154.900 đồng đối với thiệt hại xe ô tô 51G-630.34 và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 03/6/2020 đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm. Bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền này một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**** Bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B có ông Nguyễn Trường S là người đại diện hợp pháp trình bày:***

Ngày 19/6/2019, Công ty B Chợ Lớn (là Công ty thành viên trực thuộc Tổng Công ty Cổ phần B) giao kết Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số VPA/01692988 ngày 19/6/2019 và cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô không kinh doanh vận tải số VPA/01692988 ngày 19/6/2019 cho ông Nguyễn Văn T, cụ thể như sau: Thông tin xe được bảo hiểm: Xe ô-tô hiệu Mercedes-Benz GLC 200 số biển kiểm soát 51G-630.34; Chủ xe/Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn T; Người thụ hưởng: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Hồ Chí Minh; Loại hình bảo hiểm tham gia: Bảo hiểm thiệt hại vật chất xe; Thời

hạn bảo hiểm: 00 giờ 00 phút ngày 25/6/2019 đến 24 giờ 00 phút ngày 24/6/2020; Điều khoản bảo hiểm: Quy tắc, điều khoản bảo hiểm xe ô tô Ban hành kèm theo Quyết định số 2288/2018-BM/XCG ngày 06/12/2018 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần B (sau đây gọi là Quy tắc 2288).

Vào lúc 16 giờ 26 phút ngày 04/5/2020, ông T gọi điện thoại đến Tổng đài Trung tâm bồi thường xe ô tô Bảo Minh tại Thành phố Hồ Chí Minh trình báo tai nạn. Ông T cho biết tai nạn xảy ra vào ngày 02/5/2020 tại trụ điện đường Cách Mạng Tháng Tám, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã tự ý di chuyển xe về hầm giữ xe Tòa nhà Garden Gate tại số 8 Hoàng Minh Giám, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Cùng ngày, ông T cung cấp qua zalo một đoạn video dài 32 giây ghi nhận thời điểm xảy ra tai nạn. Ngày 05/5/2020, đại diện Công ty B có mặt tại Tòa nhà Garden Gate để giám định sơ bộ tổn thất và ghi nhận khai báo tai nạn bằng văn bản. Trong quá trình khai báo, ông T có một số trình bày như sau: Thời gian tai nạn là lúc 00 giờ 37 phút ngày 03/5/2020. Tai nạn xảy ra do việc ông T đứng cột điện trong quá trình tắt xe vào lề để kiểm tra việc xe bốc ra mùi khét. Lộ trình xe chạy từ Vinhomes Tân Cảng lúc 21 giờ ngày 02/5/2020, tới đường 3/2, Quận 10 và tới Chung cư Garden Gate, đường Hoàng Minh Giám, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Lộ trình cụ thể tại địa điểm xảy ra tai nạn là thời điểm ông T chạy từ đường 3/2, ôm vòng xoay Cách mạng tháng Tám để đi về đường Hoàng Minh Giám. Khi được yêu cầu cung cấp thẻ nhớ Camera hành trình, ông T nói đã rút ra và từ chối ghi câu trả lời vào biên bản.

Ngày 07/5/2020, Công ty B ra công văn số 349/2020-BM/TTBT1 xác nhận lại quá trình tiếp nhận thông tin, đồng thời yêu cầu ông T phối hợp thực hiện các công tác giám định, xác định nơi xảy ra tai nạn, thu thập chứng cứ. Đại diện Công ty B cũng nhiều lần liên hệ nhằm sắp xếp thời gian với ông T để thực hiện các công việc trên, tuy nhiên phía ông T không hợp tác. Lúc 14 giờ 28 phút ngày 11/5/2020, ông T thông báo qua zalo, thay đổi địa điểm xảy ra tai nạn thành số 193 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc 14 giờ 21 phút ngày 12/5/2020, ông T thông báo qua zalo cho biết không thể thu thập video xe ra vào tại Vinhomes Tân Cảng nơi xe xuất phát và Chung cư Garden Gate đường Hoàng Minh Giám do ông không phải dân cư tại hai tòa nhà này. Ông T cũng cho biết đã trích file thẻ nhớ Camera hành trình, sẽ giao cho Công ty B. Lúc 19 giờ ngày 13/5/2020, ông T thông báo người giao thẻ đã làm rơi ví, do đó mất thẻ nhớ Camera hành trình.

Ngày 14/5/2020, Công ty B ra công văn số 379/2020-BM/TTBT1 gửi ông T đề nghị phối hợp thực hiện các nội dung như đã trình bày tại Công văn số 349/2020-BM/TTBT1. Ngày 19/5/2020, Công ty B cùng ông T đã phối hợp với Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giám định xe tại hầm để xe của Chung cư Garden Gate đường Hoàng Minh Giám. Cùng ngày, Công ty B làm việc với ông T về một số nghi vấn trong video chủ xe cung cấp không khớp với hiện trạng xe. Chủ xe xác nhận không thể xác định được các nghi vấn của Công ty B. Khi đại diện Công ty B đặt các câu hỏi tiếp theo, ông T trả lời dờ dằng, gạch bỏ rồi tự ý ra về. Ngày 20/5/2020, Phân Viện Khoa học

hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh ra kết luận tổn thất xe do va đập mạnh với chướng ngại vật cứng có dạng hình trụ. Ngày 02/6/2020, ông T cho xe cứu hộ đến kéo xe về đơn vị sửa chữa là Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (Haxaco) và thông báo cho Công ty B tới theo dõi. Công ty B yêu cầu đơn vị quản lý tòa nhà hỗ trợ cung cấp thông tin tình trạng xe lúc vào, ra khỏi bãi đậu. Tuy nhiên, Ban quản lý cho biết xe vào không lấy thẻ, nên hệ thống không ghi nhận. Ngày 04/6/2020, Công ty B cùng ông T đến Haxaco để giám sát việc tháo dỡ. Tại đây kỹ thuật viên Haxaco cùng đơn vị giám định đều ghi nhận tình trạng thước lái báo lỗi và đánh lái qua lại không được. Ngày 19/6/2020, Công ty B mời ông T tới làm việc, tuy nhiên, hai bên không thống nhất được các nội dung còn tranh chấp, phía ông T không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào. Ngày 24/6/2020, đơn vị giám định là Công ty TNHH Dịch vụ Giám định Á Châu ra Báo cáo giám định số 201812-1/GĐAC xác định mức độ thiệt hại và các vấn đề liên quan. Ngày 30/6/2020, Công ty B gửi công văn số 001462/2020-BM/XCG tới ông T, yêu cầu cung cấp bổ sung thông tin, hồ sơ. Ngày 21/7/2020, ông T có văn bản thông báo đến Công ty B về việc vào ngày 03/5/2020, từ 8 giờ đến 11 giờ, xe 51G-630.34 có lưu thông tại quận Bình Thạnh đi quận Thủ Đức và ngã ba Vũng Tàu, có va quẹt với xe gắn máy, tường bê tông dẫn tới trầy xước, yêu cầu Công ty B bồi thường. Ngày 21/08/2020, Công ty B có công văn số 1942/2020-BM/XCG về việc thống nhất một số nội dung chủ xe cung cấp, đồng thời chấp thuận thỏa thuận bồi thường tối đa 30% giá trị tổn thất. Ông T không chấp nhận phương án này.

Kể từ thời điểm nói trên, ông Nguyễn Văn T không cung cấp bổ sung tài liệu nào chứng minh vụ việc tổn thất như yêu cầu của Công ty B.

Như vậy, Công ty B nhận thấy không có đầy đủ cơ sở xác định tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm. Ông T đã thông báo sau hơn 02 ngày kể từ ngày tổn thất. Trong khi Công ty B tiến hành xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất, ông T cũng không hợp tác, không trung thực khai báo, cung cấp tài liệu, không tạo điều kiện cho Công ty B xác minh tính chân thực của tài liệu. Căn cứ các chứng cứ, tài liệu mà Công ty B thu thập và chủ xe cung cấp cho tới thời điểm hiện tại có nhiều điểm mâu thuẫn, diễn biến tổn thất không hợp lý. Do đó, nguyên nhân, thời gian, địa điểm xảy ra tổn thất theo lời khai của nguyên đơn không thể xác định là hồ sơ tài liệu giải quyết vụ việc.

Mặt khác, giá trị yêu cầu bồi thường của ông T là không phù hợp. Việc ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ thông báo, không đảm bảo giữ nguyên hoặc khôi phục hiện trường trong quá trình xác minh tổn thất, trình bày không thống nhất về các nội dung thông tin liên quan tới vụ tai nạn, về thời gian xảy ra tổn thất, địa điểm xảy ra tổn thất và lộ trình tham gia giao thông trước và sau tai nạn. Về việc ông T tự điều khiển xe về hầm để xe tòa nhà Garden Gate sau tai nạn là chi tiết mâu thuẫn với tình trạng xe được các kỹ thuật viên kiểm tra tại thời điểm tháo dỡ. Ông T từ chối cung cấp các chứng cứ, tài liệu phục vụ cho việc xác minh tai nạn. Như vậy ông T đã vi phạm Điều 8 của Quy tắc 2288, do đó căn cứ Điều 21 của Quy tắc 2288, Công ty B có quyền giảm trừ 70% số tiền bồi thường. Do đó trong trường hợp Tòa án xác định Công ty B có trách nhiệm

bồi thường đối với tổn thất xe 51G-630.34 thì Công ty B khẳng định mức bồi thường không quá 30% giá trị thiệt hại trên thực tế.

Đến nay, Công ty B vẫn đang thu thập tài liệu và chưa có kết quả cuối cùng về trường hợp của ông T nên không thể bồi thường.

Về yêu cầu của nguyên đơn về việc áp dụng lãi suất là không phù hợp, bởi lẽ Công ty B vẫn còn đang thu thập tài liệu về trường hợp của ông T, chưa phát sinh trách nhiệm trả tiền trước thời điểm vụ việc được Tòa án giải quyết. Vì vậy không có căn cứ phát sinh trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Do đó bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp Tòa án xác định tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của Công ty B thì đề nghị Tòa án xác định mức độ trách nhiệm bồi thường của Công ty B không quá 30% giá trị thiệt hại.

Đối Báo cáo giám định về tổn thất xe ô tô con Mercedes Benz GLC 200 số yêu cầu 201812-1/GDAC, biên kiểm soát 51G-630.34, ngày giám định 19/5/2020, ngày 03 và 04/6/2020 của Công ty TNHH Dịch vụ Giám định Á Châu thì Công ty B đồng ý với kết quả giám định, không đề nghị giám định lại. Về ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Đông Nam Á theo công văn số 266/2021/CV-SBBĐ ngày 26/02/2021 về việc Ngân hàng chuyển quyền thụ hưởng số tiền bồi thường bảo hiểm mà ông T đang tranh chấp với Công ty B cho ông T thì Công ty B thống nhất.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đ có người đại diện hợp pháp là ông Vũ Văn Q trình bày:***

Ngày 20/12/2018, ông Nguyễn Văn T ký hợp đồng tín dụng số 72/18/HDTD-BĐ với Ngân hàng TMCP Đ, mục đích vay: bù đắp mua xe Mercedes – Benz GLC 200, BKS: 51G-630.34. Hợp đồng thế chấp số 72/18/HĐTC-TS-BĐ ngày 20/12/2018 được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Theo Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số VPA/01692988 ngày 19/6/2019 (hợp đồng bảo hiểm 3 bên) được ký giữa ông Nguyễn Văn T, Công ty B và Ngân hàng Đ thì quyền thụ hưởng bảo hiểm là: Ngân hàng Đ – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, ông T thanh toán nợ vay đầy đủ và đúng hạn cho Ngân hàng, do đó Ngân hàng chuyển quyền thụ hưởng số tiền bảo hiểm cho ông T.

**** Tại bản án số 175/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:***

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 12, điểm c khoản 2 Điều 17, Điều 29, Điều 41, Điều 46 của Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi bổ sung năm 2010);

- Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi năm 2014);

- Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Tổng Công ty Cổ phần B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại vật chất của xe ô tô hiệu Mercedes-Benz GLC 200, số biển kiểm soát 51G-630.34 cho ông Nguyễn Văn T theo Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số VPA/01692988 ngày 19/6/2019 với số tiền là 170.239.410 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 26.113.418 đồng; tổng cộng là: 196.352.828 đồng.

Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Tổng Công ty Cổ phần B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.817.641 đồng.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.728.948 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0030030 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B, Đơn kháng cáo ngày 20/6/2022, nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị đơn là người kháng cáo Tổng Công ty Cổ phần B do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án.

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung vụ án đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đ do người đại diện theo ủy quyền ông Vũ Văn Q có Đơn xin xét xử vắng mặt, do đó theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 hội đồng xét xử có căn cứ xét xử vắng mặt Ngân hàng TMCP Đ.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Xét thấy, ông Nguyễn Văn T và Công ty B có ký kết Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số VPA/01692988 ngày 19/6/2019 và được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô không kinh doanh vận tải số VPA/01692988 ngày 19/6/2019, cụ thể: Thông tin xe được bảo hiểm: Xe ô-tô hiệu Mercedes-Benz GLC 200 số biển kiểm soát 51G-630.34; Chủ xe/Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn T; Người thụ hưởng: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Hồ Chí Minh; Loại hình bảo hiểm tham gia: Bảo hiểm thiệt hại vật chất xe; Thời hạn bảo hiểm: 00 giờ 00 phút ngày 25/6/2019 đến 24 giờ 00 phút ngày 24/6/2020; Giá trị bảo hiểm tối đa: 1.400.000.000 đồng; Điều khoản bảo hiểm: Quy tắc, điều khoản bảo hiểm xe ô tô Ban hành kèm theo Quyết định số 2288/2018-BM/XCG ngày 06/12/2018 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần B (sau đây gọi là Quy tắc 2288). Ông T đã đóng đầy đủ phí bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm. Như vậy, hợp đồng bảo hiểm được hai bên tự nguyện ký kết, đảm bảo các quy định của pháp luật về việc giao kết, thực hiện hợp đồng nên phát sinh hiệu lực, ràng buộc quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Theo Công văn số 294/CV/C09B ngày 20/5/2020 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “*Các hư hỏng tổn thất trên phần đầu bên phải xe ô tô biển số 51G-630.34 hình thành do xung lực va đập mạnh khi xe đâm va vào chướng ngại vật cứng có dạng hình trụ (phù hợp với tình huống khi xe đâm va vào trụ điện bằng bê-tông tại địa chỉ trước số 193 Tô Hiến Hành, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh)*”. Tại Báo cáo giám định về tổn thất xe ô tô con Mercedes Benz GLC 200 biển kiểm soát 51G-630.34 ngày 19/5/2020, ngày 03 và ngày 04/6/2020 của Công ty TNHH Dịch vụ Giám định Á Châu xác định chi phí khắc phục tổn thất xe là 189.154.900 đồng. Các

đương sự thống nhất với kết quả giám định, không yêu cầu giám định lại. Ông T đã cung cấp cho Công ty B đoạn video về vụ việc tai nạn lúc 00 giờ 37 phút ngày 03/5/2020 trích xuất từ camera hành trình. Theo Biên bản làm việc ngày 13/5/2021, các bên đương sự đã xác nhận có tai nạn xảy ra dẫn đến thiệt hại là có thật.

Căn cứ Khoản 1 Điều 16 của Quy tắc 2288 quy định phạm vi bảo hiểm của Bảo Minh: *“Bảo Minh bồi thường cho chủ xe ô tô những thiệt hại vật chất xe ô tô xảy ra do những tai nạn bất ngờ không lường trước được, ngoài sự kiểm soát của chủ xe ô tô, lái xe trong những trường hợp: Đâm va (bao gồm do vật thể từ bên ngoài xe tác động lên)”*. Do đó, có đủ căn cứ xác định tai nạn xảy ra do đâm va của xe ô tô biển số 51G-630.34 là có thật, sự việc xảy ra trong thời hạn của hợp đồng bảo hiểm và thuộc phạm vi bảo hiểm của Công ty B theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Quy tắc 2288. Sự việc tai nạn gây ra thiệt hại đối với xe ô tô biển số 51G-630.34 cũng không thuộc các trường hợp loại trừ trách nhiệm của Công ty B theo Điều 17 của Quy tắc 2288. Như vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm bồi thường tiền bảo hiểm thiệt hại vật chất xe là có căn cứ.

Bị đơn không đồng ý bồi thường vì cho rằng nguyên đơn không cung cấp camera hành trình, không xin được camera nhà dân hai bên đường cũng nhưng thông tin về ngày xảy ra tai nạn còn mâu thuẫn. Xét thấy nguyên đơn đã cung cấp đoạn video về thời điểm xảy ra tai nạn phù hợp với lời khai của nguyên đơn, kết quả giám định của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh. Qua các Biên bản làm việc giữa ông T và Công ty B đương sự cung cấp thể hiện ông T có mặt trong quá trình làm việc, giám định, cung cấp bổ sung các thông tin. Hồ sơ yêu cầu bồi thường của chủ xe ô tô theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Quy tắc 2288 cũng không có nội dung yêu cầu phía chủ xe ô tô/lái xe phải cung cấp camera hai bên đường nơi xảy ra tai nạn.

Căn cứ khoản 2 Điều 9 Quy tắc 2288 về nghĩa vụ của Công ty B có quy định: *“Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ, hoặc không quá 30 ngày làm việc trong trường hợp Bảo Minh phải tiến hành xác minh hồ sơ”*.

Tại công văn số 002112/2020-BM/XCG ngày 09/9/2020 của Công ty B gửi ông T có nội dung Công ty B sẽ không có bất kỳ phải hồi nào liên quan đến việc bồi thường cũng như đề xuất thương lượng trước đây.

Như vậy đối chiếu với quy định tại Khoản 2 Điều 9 Quy tắc 2288 và công văn số 002112/2020-BM/XCG ngày 09/9/2020 của Công ty B thể hiện Công ty B đã không đồng ý xem xét, giải quyết đối với yêu cầu bồi thường của ông T sau khi ông T đã khởi kiện vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định cũng có một phần lỗi trong việc không thông báo ngay cho Công ty B trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra tai nạn, do đó nguyên đơn tự nguyện giảm trừ 10% số tiền yêu cầu bồi thường. Theo mục 3.2 Điều 21 của Quy tắc 2288 quy định: *“Bảo Minh có quyền giảm trừ đến 70% số tiền bồi thường trong trường hợp: Chủ xe ô tô không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường,*

không tạo điều kiện thuận lợi cho Bảo Minh trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó”.

Đối chiếu với các tài liệu do nguyên đơn và bị đơn cung cấp về hồ sơ bồi thường của ông T thể hiện ông T đã cung cấp các tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Quy tắc 2288, đồng thời cũng tham gia các buổi làm việc, giám định với Công ty B. Ông T không có hành vi vi phạm mục 3.2 Điều 21 của Quy tắc 2288, các tài liệu về vụ việc tai nạn phù hợp với kết luận giám định của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, ý kiến của bị đơn về việc áp dụng mục 3.2 Điều 21 của Quy tắc 2288 để giảm trừ 70% số tiền bồi thường là không có căn cứ.

Theo mục 1.1 Điều 21 của Quy tắc 2288 quy định: *“Bảo Minh có quyền giảm trừ đến 10% số tiền bồi thường trong trường hợp: Chủ xe ô tô/lái xe/người đại diện không thông báo ngay cho Bảo Minh trong vòng 24h đồng hồ kể từ khi xảy ra tổn thất để Bảo Minh tiến hành giám định”*. Phía nguyên đơn đã tự nguyện giảm trừ 10% số tiền bồi thường căn cứ trên số tiền sửa chữa trong báo cáo giám định và thấp hơn chi phí sửa chữa thực tế, số tiền còn lại nguyên đơn yêu cầu là 170.239.410 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 9%/năm tạm tính từ ngày 03/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 30.436.932 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quyền lợi bảo hiểm theo điểm c khoản 2 Điều 17 của Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi, bổ sung năm 2010), do đó có trách nhiệm thanh toán tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 9%/năm là thấp hơn mức lãi suất quy định, có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 03/6/2020 là 30 ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn. Theo tài liệu do đương sự cung cấp thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có quá trình cung cấp, bổ sung nhiều tài liệu, hồ sơ về việc bồi thường. Văn bản cung cấp tài liệu sau cùng của ông T cho Công ty B là vào ngày 03/9/2020, theo nội dung văn bản này, ông T giải trình lý do nhầm lẫn về thời gian tai nạn. Công ty B cũng đã có văn bản cuối cùng gửi ông T theo công văn số 002112/2020-BM/XCG ngày 09/9/2020. Như vậy, thời điểm Công ty B nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ được xác định là ngày 03/9/2020.

Căn cứ Điều 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi, bổ sung năm 2010) quy định: *“Trong trường hợp không có thỏa thuận về thời hạn thì doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường”*. Nguyên đơn trình bày về việc tạm tính tiền lãi theo quy định pháp luật với thời gian tính lãi từ ngày 03/6/2020 đến ngày Tòa án xét xử, trường hợp Tòa án xác định thời gian tính lãi và số tiền lãi khác với thời gian tính lãi và số tiền lãi theo mức nguyên đơn tạm tính thì nguyên đơn chấp nhận theo quyết định của Tòa án. Do Hội đồng xét xử đã xác định Công ty B có trách nhiệm bồi thường

tiền bảo hiểm, nên thời điểm tính lãi được xác định là từ ngày 18/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi, bổ sung năm 2010).

Vì vậy số tiền lãi Công ty B có trách nhiệm thanh toán cho ông T tính từ ngày 18/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (13/6/2022) là:

$$170.239.410 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 634 \text{ ngày} = 26.613.418 \text{ đồng}.$$

Nguyên đơn đồng ý áp dụng mức khấu trừ 500.000 đồng/vụ tai nạn theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng bảo hiểm trừ vào số tiền lãi mà bị đơn phải trả, do đó số tiền lãi mà Công ty B có trách nhiệm thanh toán cho ông T là: 26.613.418 đồng – 500.000 đồng = 26.113.418 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi mà Công ty B phải thanh toán cho ông T là: 170.239.410 đồng + 26.113.418 đồng = 196.352.828 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần B là không có cơ sở để chấp nhận như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không kháng nghị, do đó căn cứ quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 175/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh không bị kháng cáo, kháng nghị nên vẫn giữ nguyên.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T được Tòa án chấp nhận nên bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 148, Điều 293; Khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 12, điểm c khoản 2 Điều 17, Điều 29, Điều 41, Điều 46 của Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi bổ sung năm 2010);

- Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi năm 2014);

- Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

* Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B trong hạn luật định được chấp nhận.

* Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 175/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Tổng Công ty Cổ phần B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại vật chất của xe ô tô hiệu Mercedes-Benz GLC 200, số biển kiểm soát 51G-630.34 cho ông Nguyễn Văn T theo Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số VPA/01692988 ngày 19/6/2019 với số tiền là 170.239.410 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 26.113.418 đồng; tổng cộng là: 196.352.828 đồng.

Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Tổng Công ty Cổ phần B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.817.641 đồng.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.728.948 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0030030 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Tổng Công ty Cổ phần B phải nộp là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0006010 ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty Cổ phần B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao tại TP.HCM;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Hiền